TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN PHƯỚC** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 9 - 2024
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trà Thị Thanh Thắm**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Ngọc Hà**;

2. Ông **Phạm Văn Đào**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Phúc**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 103/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/8/2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 17/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Phương D**, sinh năm: 1994;

- Bị đơn: Anh **Lê Văn T,** sinh năm: 1990;

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà, nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Võ Thị Phương D thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn T tự nguyện tìm hiểu, xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam vào năm 2013. Trong quá trình chung sống, chị và anh Tiên phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Lê Văn T thường xuyên chơi bời, sử dụng trái phép chất ma tuý, không làm ăn lo cho vợ con. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn đối với anh Lê Văn T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh Lê Văn T 02 người con chưa đủ 18 tuổi là cháu Lê Văn Hữu P, sinh ngày 27/11/2013 và cháu Lê Thị Nhã H, sinh ngày 23/10/2018. Sau ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Ph và cháu H. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Lê Văn T: Sau khi Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước thụ lý vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập cũng như tống đạt hợp lệ các văn bản Tố tụng, mặc dù anh Lê Văn T biết việc chị Võ Thị Phương D yêu cầu xin ly hôn nhưng anh Lê Văn T không tham gia giải quyết tại Toà án. Do đó, việc lấy lời khai của anh Lê Văn T và việc hòa giải không thực hiện được.

Các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: giấy chứng nhận kết hôn *(bản chính);* trích lục khai sinh của cháu Lê Văn Hữu P, Lê Thị Nhã H *(bản sao)*; căn cước công dân mang tên Võ Thị Phương D *(bản sao)*; biên bản lấy lời khai của đương sự; biên bản xác minh của Tòa án; các tài liệu liên quan đến quá trình tố tụng của Tòa án.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đảm bảo quy định của pháp luật, bị đơn mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, xử: chị Võ Thị Phương D ly hôn với anh Lê Văn T. Giao con chung cháu Lê Văn Hữu P, sinh ngày 27/11/2013 và cháu Lê Thị Nhã H, sinh ngày 23/10/2018 cho chị Võ Thị Phương D nuôi dưỡng cho đến khi

hai cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Võ Thị Phương D và anh Lê Văn T đăng ký kết hôn năm 2013 tại UBND xã Tiên Phong, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam. Chị Võ Thị Phương D khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung, Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 51, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bị đơn anh Lê Văn T đã được tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có ý kiến phản hồi và không tham gia các hoạt động tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử nên Tòa án không hòa giải được; Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên toà cho bị đơn, tại phiên tòa hôm nay, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 179, Điều 207, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Võ Thị Phương D và anh Lê Văn T xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn đúng thủ tục tại cơ quan có thẩm quyền, đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của chị Võ Thị Phương D và anh Lê Văn T là hôn nhân hợp pháp.

Qúa trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị Phương D cho rằng cuộc sống chung giữa chị và anh Lê Văn T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, anh Lê Văn T thường xuyên chơi bời, nghiện ngập dẫn đến không lo làm ăn lo cho vợ con. Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Lê Văn T đến tham gia hòa giải để hàn gắn lại mối quan hệ nhưng anh Lê Văn T vẫn vắng mặt. Theo đó, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị Võ Thị Phương D và anh Lê Văn T không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không

đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Võ Thị Phương D được ly hôn với anh Lê Văn T là phù hợp với thực tế và đúng quy định của pháp luật.

[2.2] *Về con chung:* Qúa trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị Phương D yêu cầu được nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà anh Lê Văn T đều vắng mặt không có lý do; anh Lê Văn T cũng không có ý kiến hay nguyện vọng gì đối với con chung. Bên cạnh đó, cháu Phước có nguyện vọng được ở sống chung với chị Du và cháu Hân còn nhỏ, cả hai cháu đang sinh sống cùng với chị Võ Thị Phương D. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của các con, giữ ổn định cuộc sống của con. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị Phương D, giao con chung Lê Văn Hữu P, sinh ngày 27/11/2013 và cháu Lê Thị Nhã H, sinh ngày 23/10/2018 cho chị Võ Thị Phương D nuôi dưỡng đến trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị Võ Thị Phương D không yêu cầu anh Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về án phí:* Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Võ Thị Phương D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 21, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điểu 177, Điều 179, Điều 207, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Võ Thị Phương D được ly hôn với anh Lê Văn T.

Về con chung: Giao con chung Lê Văn Hữu P, sinh ngày 27/11/2013 và cháu Lê Thị Nhã H, sinh ngày 23/10/2018 cho chị Võ Thị Phương D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không

trực tiếp nuôi con lạm dụng việc nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Võ Thị Phương D chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Võ Thị Phương D đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005730 ngày 24/6/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh, VKSND tỉnh;
- VKSND huyện Tiên Phước;
- Chi cục THADS huyện Tiên Phước;
- UBND xã Tiên Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã Ký)
Trà Thị Thanh Thắm